

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Xây dựng Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

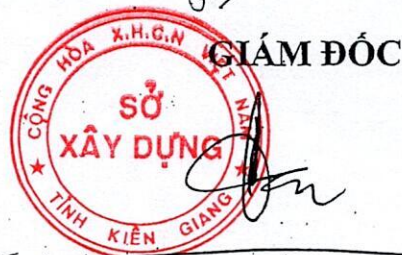
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Chánh văn phòng Sở Xây dựng, trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban giám đốc sở;
- Lưu: VT, ntthang.



Hà Văn Thanh Khương

Đơn vị: Sở Xây dựng Kiên Giang

Chương: 419

CÔNG KHAI DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 269/QĐ-SXD ngày 31/12/2024 của

Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Đồng		
STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng thu	10.870.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.870.000.000
I	Chi quản lý hành chính	10.385.000.000
1	Kinh phí giao tự chủ	6.679.000.000
	- Chi con người	5.276.000.000
	- Chi công việc	1.403.000.000
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	2.829.000.000
3	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng	481.000.000
4	Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ	396.000.000
II	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	485.000.000
1	Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ	475.000.000
2	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ không giao tự chủ.	10.000.000